BỘ Y TẾ **CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:191 /QĐ-ATTP	*Hà Nội, ngày* 23 *tháng* 06 *năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định (Địa chỉ: Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **…../2021/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- CT. Nguyễn Thanh Phong (để b/c);
- Ban Quản lý ATTP các tỉnh, thành phố;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số ……../QĐ-ATTP ngày… tháng….. năm 2021 của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo (nếu có)
I. Chỉ tiêu hóa lý				
1.	Xác định độ cứng tổng số	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền	AOAC 973.52	5 mg/l
2.	Xác định hàm lượng clorua		TCVN 6194: 1996	5 mg/l
3.	Xác định hàm lượng arsen (As)		TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)	
4.	Xác định hàm lượng cadimi (Cd)		ISO 15586:2003	
5.	Xác định hàm lượng chì (Pb)		ISO 15586:2003	
II. Chỉ tiêu vi sinh vật				
6.	Định lượng *Coliform*, trong nước - kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (phương pháp MPN	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 6187-2:1996	1 MPN/100 ml
7.	Định lượng *Coliform chịu nhiệt* trong nước - kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (phương pháp MPN)		TCVN 6187-2:1996	1 MPN/100 ml
8.	Định lượng *E. coli* giả định trong nước - kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (phương pháp MPN)		TCVN 6187-2:1996	1 MPN/100 ml
9.	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp		TCVN 6187-1:2019	1 CFU/250 ml

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo (nếu có)
10.	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 6187-1:2019	1 CFU/250 ml
11.	Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột- Phần 2 Phương pháp lọc màng		TCVN 6189-2:2009	1 CFU/250 ml
12.	Phát hiện và đếm *Pseudomonas aeruginosa* - Phương pháp Lọc màng		TCVN 8881:2011	1 CFU/250 ml
13.	Phát hiện và đếm số Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit - Phần 2 Phương pháp lọc màng		TCVN 6191-2:1996	1 CFU/50 ml

Ghi chú:
Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Y tế.